

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Tên Cổ phiếu: CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH
Mã cổ phiếu: PTĐ
Địa chỉ: 361 Lê Trọng Tấn, Phường Sơn Kỳ, Quận Tân Phú, TP.HCM
Mã số thuế: 0302365984
Người đại diện: Ông TÔ KHẢI ĐẠT Chức vụ: Tổng Giám Đốc

Căn cứ thông tư số 155/2015/TT-BTC có hiệu lực ngày 01/01/2016 của Bộ tài chính về việc công bố thông tin định kỳ của tổ chức niêm yết quy định giải trình LNST Quý II/2021 bị lỗ.

Công ty Cổ phần Thiết kế Xây dựng Thương mại Phúc Thịnh giải trình LNST Quý II/2021 bị lỗ.



CHỈ TIÊU	Mã số	CÔNG TY MẸ				HỢP NHẤT			
		QUÝ II				QUÝ II			
		Năm nay	Năm trước	Tăng/Giảm	Tỷ lệ (%)	Năm nay	Năm trước	Tăng/Giảm	Tỷ lệ (%)
1	2	3	4	5=3-4	6=5/4	7	8	9=7-8	10=9/8
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	91.632.857.944	69.695.993.907	21.936.864.037		91.719.819.532	77.398.348.561	14.321.470.971	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02					-	-		
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	91.632.857.944	69.695.993.907	21.936.864.037	31%	91.719.819.532	77.398.348.561	14.321.470.971	19%
4. Giá vốn hàng bán	11	89.575.343.950	66.638.513.217	22.936.830.733		90.680.406.815	75.036.498.402	15.643.908.413	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20	2.057.513.994	3.057.480.690	(999.966.696)	-33%	1.039.412.717	2.361.850.159	(1.322.437.442)	-56%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	447.411.380	436.177.633	11.233.747		447.411.380	437.282.633	10.128.747	
7. Chi phí tài chính	22	1.666.507.932	2.660.624.857	(994.116.925)		1.666.507.932	2.660.624.857	(994.116.925)	
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	1.289.650.654	1.414.350.419	(124.699.765)		1.665.146.951	1.414.350.419	250.796.532	
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết									
9. Chi phí bán hàng	25		672.957.581	(672.957.581)		0	672.957.581	(672.957.581)	
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.231.141.581	5.733.228.228	497.913.353		6.502.485.629	6.348.189.749	154.295.880	

CHỈ TIÊU	Mã số	CÔNG TY MẸ				HỢP NHẤT			
		QUÝ II				QUÝ II			
		Năm nay	Năm trước	Tăng/Giảm	Tỷ lệ (%)	Năm nay	Năm trước	Tăng/Giảm	Tỷ lệ (%)
1	2	3	4	5=3-4	6=5/4	7	8	9=7-8	10=9/8
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21-22) - (25+26))	30	(5.392.724.139)	(5.573.152.343)	180.428.204	-3%	(6.682.169.464)	(6.882.639.395)	200.469.931	-3%
12. Thu nhập khác	31	5.813.418	5.233.546.491	(5.227.733.073)		5.813.418	5.237.543.431	(5.231.730.013)	
13. Chi phí khác	32	241.190.756	181.099.251	60.091.505		241.190.756	181.099.251	60.091.505	
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 -32)	40	(235.377.338)	5.052.447.240	(5.287.824.578)	105%	(235.377.338)	5.056.444.180	(5.291.821.518)	-105%
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	(5.628.101.477)	(520.705.103)	(5.107.396.374)	981%	(6.917.546.802)	(1.826.195.215)	(5.091.351.587)	279%
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51			-		869.615	77.023.545	(76.153.930)	
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			-		-	-	-	
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 -52)	60	(5.628.101.477)	(520.705.103)	(5.107.396.374)	981%	(6.918.416.417)	(1.903.218.760)	(5.015.197.657)	264%
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số						(1.027.497.108)	(553.005.463)	(474.491.645)	86%
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ						(5.890.919.309)	(1.350.213.297)	(4.540.706.012)	336%
19. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)						(1.942)	(1.424)	(518)	
						(1.942)	(1.424)		

BCTC CÔNG TY MẸ

- Quý II/2020 lỗ do Doanh thu trong kỳ giảm mạnh, dẫn đến lãi gộp không thể nào gánh hết phần chi phí quản lý trong kỳ

BCTC HỢP NHẤT

- Quý II/2020 lỗ do Doanh thu trong kỳ giảm mạnh, dẫn đến lãi gộp không thể nào gánh hết phần chi phí quản lý trong kỳ

Trân Trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu P. Kế toán



TM. CTCP TK - XD - TM PHÚC THỊNH

TỔNG GIÁM ĐỐC



TỔ KHAI ĐẠT